

Số: /QĐ-SYT

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Phê duyệt các cơ sở y tế đủ điều kiện**  
**khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.*

*Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;*

*Sau khi thống nhất với BHXH tỉnh Hải Dương, theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt 263 cơ sở y tế trong địa bàn tỉnh Hải Dương đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế (có danh sách cụ thể kèm theo).

**Điều 2:** Giám đốc, người đứng đầu cơ sở y tế có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận khám bệnh, chữa bệnh cho người có thẻ Bảo hiểm y tế theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 và thay thế Quyết định số 785/QĐ-SYT ngày 27/12/2023 của Giám đốc Sở Y tế Hải Dương.

**Điều 4:** Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, Giám đốc, người đứng đầu các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND tỉnh (để báo cáo);
- BHXH tỉnh Hải Dương (để ph/hợp);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh (để đăng tải Website);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Trung Chính**

**DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN KÝ HỢP ĐỒNG**  
**KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT NĂM 2025**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số      /QĐ-SYT ngày      /12/ 2024 của Sở Y tế tỉnh Hải Dương)*

| STT                 | Cơ sở KCB theo từng địa bàn                  | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|---------------------|----------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|                     |                                              |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyến CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| Thành phố Hải Dương |                                              |           |                         |                           |         |                  |                                   |                          |                         |                      |                            |
| 1                   | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương             | 30013     | Cấp cơ bản              | x                         | x       | x                | x                                 | x                        | I                       | Tỉnh                 | 59                         |
| 2                   | Bệnh viện Quân y 7                           | 30014     | Cấp cơ bản              | x                         | x       | x                |                                   | x                        | I                       | Tỉnh                 |                            |
| 3                   | Bệnh viện Trường Đại học KTYT Hải Dương      | 30015     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | II                      | Tỉnh                 |                            |
| 4                   | Bệnh viện YHCT Hải Dương                     | 30298     | Cấp cơ bản              | x                         | x       | x                |                                   | x                        | II                      | Tỉnh                 | 34                         |
| 5                   | Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương       | 30301     | Cấp cơ bản              | x                         | x       | x                |                                   | x                        | II                      | Tỉnh                 | 31                         |
| 6                   | Bệnh viện đa khoa Hòa Bình                   | 30307     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | III                     | Tỉnh                 | 20                         |
| 7                   | Bệnh viện Nhi Hải Dương                      | 30330     | Cấp cơ bản              | x                         | x       | x                | x                                 | x                        | II                      | Tỉnh                 | 36                         |
| 8                   | Phòng khám đa khoa Thanh Bình                | 30339     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 9                   | Phòng khám đa khoa Quốc tế Hải Dương         | 30347     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 10                  | Phòng khám Ban Bảo vệ CSSK CB tỉnh Hải Dương | 30016     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        | II                      | Tỉnh                 |                            |
| 11                  | Bệnh viện Phổi Hải Dương                     | 30299     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 |                          | I                       | Tỉnh                 | 32                         |
| 12                  | Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương           | 30302     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 |                          | II                      | Tỉnh                 | 42                         |
| 13                  | Bệnh viên Tâm thần Hải Dương                 | 30300     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 |                          | II                      | Tỉnh                 | 35                         |
| 14                  | Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương      | 30341     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 |                          | II                      | Tỉnh                 | 23                         |
| 15                  | Bệnh viện Phụ sản Hải Dương                  | 30335     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 |                          | II                      | Tỉnh                 | 35                         |

| STT | Cơ sở KCB theo từng địa bàn                             | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|     |                                                         |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 16  | Bệnh viện tư nhân chuyên khoa mắt Quốc tế DND Hải Dương | 30382     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 |                          | III                     | Tỉnh                 | 33                         |
| 17  | Phòng khám đa khoa Quốc tế Hà Nội                       | 30383     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 18  | Bệnh xá Công an tỉnh Hải Dương                          | 30350     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 19  | <b>Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương</b>               | 30001     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       | x                |                                   | x                        | III                     | Huyện                | 33                         |
| 20  | Trạm y tế phường Thạch Khôi                             | 30171     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 21  | Trạm y tế phường Tân Hưng                               | 30195     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 22  | Trạm y tế phường Bình Hàn                               | 30017     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 23  | Trạm y tế phường Cẩm Thượng                             | 30018     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 24  | Trạm y tế phường Hải Tân                                | 30019     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 25  | Trạm y tế phường Lê Thanh Nghị                          | 30020     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 26  | Trạm y tế phường Ngọc Châu                              | 30021     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 27  | Trạm y tế phường Nguyễn Trãi                            | 30022     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 28  | Trạm y tế phường Quang Trung                            | 30023     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 29  | Trạm y tế phường Thanh Bình                             | 30024     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 31  | Trạm y tế phường Trần Phú                               | 30025     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 32  | Trạm y tế phường Trần Hưng Đạo                          | 30027     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 33  | Trạm y tế phường Tứ Minh                                | 30028     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 34  | Trạm y tế phường Việt Hòa                               | 30029     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 35  | Trạm y tế xã An Thượng                                  | 30084     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 36  | Trạm y tế phường Ái Quốc                                | 30086     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 37  | Trạm y tế phường Nam Đồng                               | 30087     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 38  | Trạm y tế xã Ngọc Sơn                                   | 30157     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 39  | Trạm y tế xã Liên Hồng                                  | 30172     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT                                 | Cơ sở KCB theo từng địa bàn           | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|                                     |                                       |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 40                                  | Trạm y tế xã Gia Xuyên                | 30193     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 41                                  | Trạm y tế xã Quyết Thắng              | 30202     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 42                                  | Trạm y tế xã Tiên Tiến                | 30217     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| <b>Các huyện, thị xã, thành phố</b> |                                       |           |                         |                           |         |                  |                                   |                          |                         |                      |                            |
| <b>43</b>                           | <b>TTYT huyện Bình Giang</b>          | 30002     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | <b>III</b>              | <b>Huyện</b>         | <b>30</b>                  |
| 44                                  | Phòng khám đa khoa khu vực Kẽ Sắt (*) | 30296     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 45                                  | Trạm y tế xã Bình Xuyên               | 30031     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 46                                  | Trạm y tế xã Cổ Bì                    | 30032     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 47                                  | Trạm y tế xã Hồng Khê                 | 30033     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 48                                  | Trạm y tế xã Hùng Thắng               | 30034     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 49                                  | Trạm y tế xã Long Xuyên - B.Giang     | 30037     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 50                                  | Trạm y tế xã Nhân Quyền               | 30038     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 51                                  | Trạm y tế xã Thái Dương               | 30041     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 52                                  | Trạm y tế xã Thái Hòa                 | 30043     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 53                                  | Trạm y tế xã Thúc Kháng               | 30044     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 54                                  | Trạm y tế xã Vĩnh Hồng                | 30046     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 55                                  | Trạm y tế xã Vĩnh Hưng                | 30047     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 56                                  | Phòng khám đa khoa Thành Đông I       | 30349     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 57                                  | Phòng khám đa khoa Trường Sơn         | 30355     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| <b>58</b>                           | <b>TTYT thành phố Chí Linh</b>        | 30003     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  |                                   | x                        | <b>II</b>               | <b>Huyện</b>         | <b>31</b>                  |
| 59                                  | Trạm y tế phường Bến Tắm              | 30048     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 60                                  | Trạm y tế phường Phả Lại              | 30049     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 61                                  | Trạm y tế phường Sao Đỏ               | 30050     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT | Cơ sở KCB theo từng địa bàn          | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|-----|--------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|     |                                      |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 62  | Trạm y tế phường Đồng Lạc - Chí Linh | 30051     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 63  | Trạm y tế phường An Lạc              | 30052     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 64  | Trạm y tế xã Bắc An                  | 30053     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 65  | Trạm y tế phường Cổ Thành            | 30054     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 66  | Trạm y tế phường Cộng Hòa            | 30055     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 67  | Trạm y tế phường Chí Minh            | 30056     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 68  | Trạm y tế xã Hưng Đạo - C.Linh       | 30057     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 69  | Trạm y tế phường Hoàng Tân           | 30058     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 70  | Trạm y tế phường Hoàng Tiến          | 30059     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 71  | Trạm y tế xã Hoàng Hoa Thám          | 30060     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 72  | Trạm y tế xã Lê Lợi - C.Linh         | 30062     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 73  | Trạm y tế xã Nhân Huệ                | 30063     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 74  | Trạm y tế phường Tân Dân - Chí Linh  | 30064     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 75  | Trạm y tế Phường Thái Học            | 30065     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 76  | Trạm y tế phường Văn Đức             | 30066     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 77  | Trạm y tế phường Văn An              | 30067     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 78  | Phòng khám đa khoa Côn Sơn           | 30376     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 79  | <b>TTYT huyện Nam Sách</b>           | 30004     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                | <b>21</b>                  |
| 80  | Trạm y tế thị trấn Nam Sách          | 30369     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 81  | Trạm y tế xã Nam Tân                 | 30068     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 82  | Trạm y tế xã Nam Hưng                | 30069     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 83  | Trạm y tế xã Quốc Tuấn               | 30070     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 84  | Trạm y tế xã Hợp Tiến                | 30072     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT | Cơ sở KCB theo từng địa bàn               | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |          |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|-----|-------------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|----------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|     |                                           |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú  | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 85  | Trạm y tế xã Hiệp Cát                     | 30073     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 86  | Trạm y tế xã Trần Phú                     | 30074     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 87  | Trạm y tế xã An Phú                       | 30076     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 88  | Trạm y tế xã An Sơn                       | 30079     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 89  | Trạm y tế xã Hồng Phong - N.Sách          | 30080     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 90  | Trạm y tế xã Thái Tân                     | 30081     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 91  | Trạm y tế xã Minh Tân                     | 30082     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 92  | Trạm y tế xã Đồng Lạc - N.Sách            | 30085     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 93  | Trạm y tế xã Cộng Hòa - N.Sách            | 30089     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 94  | Trạm y tế xã An Bình                      | 30090     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 95  | Phòng khám đa khoa Tập Hà                 | 30304     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 96  | Phòng khám đa khoa Quốc tế 256            | 30377     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 97  | <b>TTYT thị xã Kinh Môn</b>               | 30005     | <b>Cấp cơ bản</b>       | <b>x</b>                  | <b>x</b> |                  | <b>x</b>                          | <b>x</b>                 | <b>II</b>               | <b>Huyện</b>         | <b>29</b>                  |
| 98  | Phòng khám đa khoa khu vực Phúc Thành (*) | 30280     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 99  | Trạm y tế phường An Lưu                   | 30091     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 100 | Trạm y tế phường An Phụ                   | 30092     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 101 | Trạm y tế phường An Sinh                  | 30093     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 102 | Trạm y tế xã Bạch Đằng                    | 30094     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 103 | Trạm y tế phường Duy Tân                  | 30095     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 104 | Trạm y tế phường Hiến Thành               | 30096     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 105 | Trạm y tế phường Hiệp An                  | 30097     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 106 | Trạm y tế xã Hiệp Hòa                     | 30098     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 107 | Trạm y tế phường Hiệp Sơn                 | 30099     | Cấp ban đầu             | x                         |          |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT        | Cơ sở KCB theo từng địa bàn                   | Mã CS KCB    | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|------------|-----------------------------------------------|--------------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|            |                                               |              |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 108        | Trạm y tế xã Lạc Long                         | 30101        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 109        | Trạm y tế xã Lê Ninh                          | 30102        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 110        | Trạm y tế phường Long Xuyên - K.Môn           | 30103        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 111        | Trạm y tế xã Minh Hòa                         | 30104        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 112        | Trạm y tế phường Minh Tân                     | 30105        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 113        | Trạm y tế phường Phạm Thái                    | 30106        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 114        | Trạm y tế phường Phú Thứ                      | 30107        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 115        | Trạm y tế xã Quang Thành                      | 30109        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 116        | Trạm y tế phường Tân Dân - K.Môn              | 30110        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 117        | Trạm y tế xã Thăng Long                       | 30111        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 118        | Trạm y tế phường Thái Thịnh                   | 30113        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 119        | Trạm y tế phường Thất Hùng                    | 30114        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 120        | Trạm y tế xã Thượng Quận                      | 30115        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 121        | <b>Cơ sở 2 Trung tâm y tế thị xã Kinh Môn</b> | 30281        | Cấp ban đầu             | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | II                      | Huyện                | <b>17</b>                  |
| 122        | Phòng khám đa khoa Bảo An                     | 30340        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        |                         | Huyện                |                            |
| 123        | Phòng khám đa khoa quốc tế Thuận An           | 30372        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 124        | Phòng khám đa khoa Phúc Hưng                  | 30381        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| <b>125</b> | <b>TTYT huyện Ninh Giang</b>                  | <b>30006</b> | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | II                      | Huyện                | <b>29</b>                  |
| 126        | Phòng khám đa khoa khu vực Tuy Hòa (*)        | 30297        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 127        | Trạm y tế xã Bình Xuyên                       | 30117        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 128        | Trạm y tế xã An Đức                           | 30119        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT | Cơ sở KCB theo từng địa bàn          | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|-----|--------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|     |                                      |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 129 | Trạm y tế xã Đức Phúc                | 30120     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 130 | Trạm y tế xã Hồng Dụ                 | 30121     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 131 | Trạm y tế xã Kiến Phúc               | 30122     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 132 | Trạm y tế xã Hồng Phong - N.Giang    | 30123     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 133 | Trạm y tế xã Hiệp Lực                | 30125     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 134 | Trạm y tế xã Hưng Long               | 30126     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 135 | Trạm y tế xã Nghĩa An                | 30130     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 136 | Trạm y tế xã Ứng Hoè                 | 30134     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 137 | Trạm y tế xã Tân Hương               | 30137     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 138 | Trạm y tế xã Tân Phong               | 30138     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 139 | Trạm y tế xã Tân Quang               | 30139     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 140 | Trạm y tế xã Văn Hội                 | 30140     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 141 | Trạm y tế xã Vĩnh Hòa                | 30143     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 142 | Phòng khám đa khoa tư nhân Hồng Châu | 30332     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 143 | Phòng khám đa khoa Đức Minh          | 30337     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 144 | Phòng khám đa khoa Thiện Tâm         | 30373     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 145 | Phòng khám đa khoa Như Ý             | 30391     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 146 | TTYT huyện Tứ Kỳ                     | 30007     | Cấp cơ bản              | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | II                      | Huyện                | 29                         |
| 147 | Trạm y tế xã Đại Hợp                 | 30148     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 148 | Trạm y tế xã Bình Lăng               | 30149     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 149 | Trạm y tế xã Lạc Phượng              | 30150     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 150 | Trạm y tế xã Hà Kỳ                   | 30152     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 151 | Trạm y tế xã Hà Thanh                | 30153     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |



| STT | Cơ sở KCB theo từng địa bàn        | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|-----|------------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|     |                                    |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 152 | Trạm y tế xã Hưng Đạo - T.Kỳ       | 30154     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 153 | Trạm y tế xã Minh Đức              | 30155     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 154 | Trạm y tế xã Nguyên Giáp           | 30158     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 155 | Trạm y tế xã Phụng Kỳ              | 30159     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 156 | Trạm y tế xã Dân An                | 30160     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 157 | Trạm y tế xã Quang Khải            | 30161     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 158 | Trạm y tế xã Quang Phục            | 30162     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 159 | Trạm y tế xã Quang Trung - T.Kỳ    | 30163     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 160 | Trạm y tế xã Kỳ Sơn                | 30164     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 161 | Trạm y tế xã Tân Kỳ                | 30165     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 162 | Trạm y tế xã Chí Minh - T.Kỳ       | 30166     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 163 | Trạm y tế xã Tiên Động             | 30167     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 164 | Trạm y tế xã Văn Tổ                | 30169     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 165 | Trạm y tế xã An Thanh              | 30170     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 166 | Trạm y tế thị trấn Tứ Kỳ           | 30144     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 167 | Trạm y tế xã Đại Sơn               | 30147     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 168 | Phòng khám đa khoa tư nhân An Bình | 30334     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 169 | <b>TTYT huyện Gia Lộc</b>          | 30008     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | II                      | Huyện                | 27                         |
| 170 | Trạm y tế xã Thống Nhất            | 30173     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 171 | Trạm y tế xã Yết Kiêu              | 30176     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 172 | Trạm y tế xã Lê Lợi - G.Lộc        | 30178     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 173 | Trạm y tế xã Toàn Thắng            | 30179     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 174 | Trạm y tế xã Đoàn Thượng           | 30180     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 175 | Trạm y tế xã Nhật Quang            | 30181     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT        | Cơ sở KCB theo từng địa bàn       | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|------------|-----------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|            |                                   |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 176        | Trạm y tế xã Quang Đức            | 30182     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 177        | Trạm y tế xã Phạm Trấn            | 30185     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 178        | Trạm y tế xã Thống Kênh           | 30186     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 179        | Trạm y tế xã Hồng Hưng            | 30187     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 180        | Trạm y tế xã Hoàng Diệu           | 30188     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 181        | Trạm y tế thị trấn Gia Lộc        | 30189     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 182        | Trạm y tế xã Gia Tân              | 30190     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 183        | Trạm y tế xã Gia Phúc             | 30191     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 184        | Trạm y tế xã Gia Tiến             | 30192     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 185        | Trạm y tế xã Tân Tiến             | 30194     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 186        | Phòng khám đa khoa Đức Thành Long | 30348     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 187        | Phòng khám đa khoa Tuấn Tài       | 30351     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 188        | Phòng khám đa khoa KTC Tuấn Hiền  | 30375     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| <b>189</b> | <b>TTYT huyện Thanh Hà</b>        | 30009     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  |                                   | x                        | III                     | Huyện                | <b>22</b>                  |
| 190        | Trạm y tế xã Cẩm Việt             | 30197     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 191        | Trạm y tế xã Hồng Lạc             | 30198     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 192        | Trạm y tế xã Liên Mạc             | 30200     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 193        | Trạm y tế xã An Phượng            | 30201     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 194        | Trạm y tế xã Tân An               | 30203     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 195        | Trạm y tế xã Tân Việt - T.Hà      | 30204     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 196        | Trạm y tế xã Thanh An             | 30205     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 197        | Trạm y tế xã Thanh Quang - T.Hà   | 30207     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 198        | Trạm y tế xã Thanh Hải            | 30209     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 199        | Trạm y tế xã Thanh Hồng           | 30210     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT        | Cơ sở KCB theo từng địa bàn            | Mã CS KCB    | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|------------|----------------------------------------|--------------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|            |                                        |              |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 200        | Trạm y tế xã Thanh Lang                | 30212        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 201        | Trạm y tế xã Thanh Sơn                 | 30213        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 202        | Trạm y tế xã Thanh Tân                 | 30214        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 203        | Trạm y tế xã Thanh Xuân                | 30216        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 204        | Phòng khám đa khoa khu vực Hà Đông (*) | 30303        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 205        | Trạm y tế xã Vĩnh Cường                | 30353        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 206        | Trạm y tế thị trấn Thanh Hà            | 30357        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 207        | Phòng khám Y cao Thanh Hà              | 30342        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 208        | Phòng khám đa khoa Đức Anh             | 30393        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 209        | Phòng khám đa khoa Tâm An              | 30395        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| <b>210</b> | <b>TTYT huyện Kim Thành</b>            | <b>30010</b> | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  |                                   | x                        | III                     | Huyện                | <b>28</b>                  |
| 211        | Trạm y tế xã Đại Đức                   | 30222        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 212        | Trạm y tế xã Đồng Cẩm                  | 30223        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 213        | Trạm y tế xã Hòa Bình                  | 30224        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 214        | Trạm y tế xã Vũ Dũng                   | 30225        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 215        | Trạm y tế xã Lai Khê                   | 30227        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 216        | Trạm y tế xã Kim Đính                  | 30228        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 217        | Trạm y tế xã Kim Anh                   | 30229        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 218        | Trạm y tế xã Kim Liên                  | 30231        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 219        | Trạm y tế xã Kim Tân                   | 30232        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 220        | Trạm y tế xã Kim Xuyên                 | 30233        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 221        | Trạm y tế xã Ngũ Phúc                  | 30236        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 222        | Trạm y tế thị trấn Phú Thái            | 30237        | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |

| STT        | Cơ sở KCB theo từng địa bàn     | Mã CS KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Loại hình khám, chữa bệnh |         |                  | Khám chữa bệnh ngày nghỉ, ngày lễ | Nhận đăng ký KCB ban đầu | Ghi chú                 |                      |                            |
|------------|---------------------------------|-----------|-------------------------|---------------------------|---------|------------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|
|            |                                 |           |                         | Ngoại trú                 | Nội trú | Nội trú ban ngày |                                   |                          | Hạng bệnh viện năm 2024 | Tuyên CM KT năm 2024 | Điểm đạt khi phân cấp 2025 |
| 223        | Trạm y tế xã Tam Kỳ             | 30238     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 224        | Trạm y tế xã Tuấn Việt          | 30240     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 225        | Phòng khám đa khoa Kim Định     | 30358     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| <b>226</b> | <b>TTYT huyện Thanh Miện</b>    | 30011     | <b>Cấp cơ bản</b>       | x                         | x       |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                | <b>30</b>                  |
| 227        | Trạm y tế xã Ngô Quyền          | 30242     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 228        | Trạm y tế xã Đoàn Kết           | 30243     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 229        | Trạm y tế xã Tân Trào           | 30244     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 230        | Trạm y tế xã Lê Hồng            | 30245     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 231        | Trạm y tế xã Hồng Quang         | 30246     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 232        | Trạm y tế xã Thanh Tùng         | 30247     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 233        | Trạm y tế xã Đoàn Tùng          | 30248     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 234        | Trạm y tế xã Phạm Kha           | 30249     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 235        | Trạm y tế xã Lam Sơn            | 30250     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 236        | Trạm y tế Thị trấn Thanh Miện   | 30251     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 237        | Trạm y tế xã Tứ Cường           | 30253     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 238        | Trạm y tế xã Cao Thắng          | 30254     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 239        | Trạm y tế xã Ngũ Hùng           | 30255     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 240        | Trạm y tế xã Chi Lăng Bắc       | 30256     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 241        | Trạm y tế xã Chi Lăng Nam       | 30257     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 242        | Trạm y tế xã Thanh Giang        | 30259     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 243        | Trạm y tế xã Hồng Phong         | 30260     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  |                                   | x                        |                         | Xã                   |                            |
| 244        | Phòng khám đa khoa Hải Dương-TM | 30343     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |
| 245        | Phòng khám Hà Nội - Hải Dương   | 30356     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 |                          | III                     | Huyện                |                            |
| 246        | Phòng khám đa khoa Tâm Đức      | 30374     | Cấp ban đầu             | x                         |         |                  | x                                 | x                        | III                     | Huyện                |                            |

[illegible]